TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 08/2019/KDTM-PT Ngày 01-11- 2019 V/v tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính.	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thu

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Mai Hương

Ông Lại Văn Tùng

***- Thư ký phiên tòa*:** Đoàn Thị Kim Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà*:**

Ông Trần Trọng Dần - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 và ngày 01tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 05/2019/TLPT-KDTM ngày 16 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính.

Do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2019/KDTM-ST ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 128/2019/QĐ-PT ngày 25 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty A, địa chỉ: Số 4 đường P, Phường K, quận Đ, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trương Thị Xuân T - Chức vụ: Tổng giám đốc Công ty A.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh T, chức vụ- Phó phòng và quản trị rủi ro- Công ty A Theo văn bản ủy quyền số 455/ALCI-HCNS ngày 04-10-2019.

- *Bị đơn*: Công ty P; địa chỉ trụ sở chính: Thôn P, thị trấn C, huyện T, tỉnh N; địa chỉ giao dịch: khu nhà ở N, Quận N, thành phố H.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Trần Văn Q- Chức vụ: Giám Đốc, Công ty P.

- *Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn:* Ông Chu Tuấn H - Luật sư Văn phòng Luật sư T- Đoàn luật sư tỉnh N; địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn C, huyện T, tỉnh N.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn: Công ty P.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông T, ông H có mặt. Khi tuyên án ông H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19-11-2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn là Công ty A, người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 12 tháng 9 năm 2007 Công ty A (viết tắt là Công ty tài chính) ký hợp đồng cho thuê tài chính số 161/2007/ALCI với Công ty trách nhiệm hữu hạn Vận tải và Thương mại P(viết tắt là Công ty P). Tài sản thuê tài chính là 01 tàu vỏ thép chở hàng khô, cấp hạn chế III, trọng tải 3.264,3 tấn mang tên "P36-ALCI". Giá trị tài sản cho thuê là 25.250.070.000đ. Mục đích sử dụng tài sản thuê phục vụ cho hoạt động hợp pháp của Công ty P. Thời hạn cho thuê là 120 tháng (10 năm). Lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần, mức lãi suất tại thời điểm điều chỉnh thực hiện theo thông báo của Công ty tài chính. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và được áp dụng với số nợ gốc quá hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty P đã vi phạm hợp đồng là không trả tiền thuê tài sản theo quy định. Công ty A thường xuyên làm việc, đôn đốc bằng văn bản. Công ty P có các cam kết, hứa hẹn trả nợ quá hạn, nợ đến hạn và thanh toán tiền thuê tài sản cho Công ty A nhưng Công ty P vẫn không thực hiện các cam kết của mình.

Ngày 24-8-2016 Công ty A ra thông báo số 70A/TB-ALCI-KD về việc chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính trước hạn và yêu cầu thanh toán ngay số tiền còn lại theo hợp đồng nhưng Công ty P vẫn vi phạm cam kết.

Ngày 09-9-2016 Công ty A ra văn bản số 73-ALCI-KD yêu cầu giao trả tài sản đối với Công ty P. Ngày 15-9-2016 Công ty A thu hồi tàu "P36-ALCI" tại

khu neo đậu của Công ty đóng tàu B, địa chỉ: Xã A, huyện T, thành phố H. Quá trình thu hồi và xử lý tài sản, Công ty A đã thực hiện theo quy trình tại Thông tư liên tịch số 08/2007/TTLT-NHNN- BCA- BTP giữa Ngân hàng nhà nước, Bộ Công an, Bộ tư pháp hướng dẫn thu hồi và xử lý tài sản của Công ty cho thuê tài chính. Sau khi thu hồi tàu "P36-ALCI", Công ty A đã thực hiện đầy đủ các bước theo quy định để bán đấu giá tài sản.

Ngày 15-12-2017 Công ty A bán đấu giá thành công tàu "P36-ALCI" và thu hồi nợ gốc là 10.500.000.000đ. Sau đó, Công ty A gửi thông báo yêu cầu Công ty P thanh toán số tiền còn lại và mời đại diện theo pháp luật đến Công ty A để làm việc (lần 1 ngày 03-01-2018, lần 2 ngày 20-3-2018) nhưng đại diện Công ty P không đến làm việc và không trả nợ cho Công ty tài chính.

Nay Công ty A yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn Vận tải và Thương mại P phải trả nợ gốc là 6.037.595.914đ; nợ lãi quá hạn 15.109.017.346đ. Tổng cộng là 121.146.613.260 đ (tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2018) và phát sinh cho đến khi Tòa án giải quyết vụ kiện.

Tại bản tường trình, bản tự khai, người đại diện theo pháp luật của bị đơn trình bày:

Căn cứ hợp đồng cho thuê tài chính ngày 12-9-2007 giữa Công ty A và Công ty P, phía Công ty P phải đặt cọc số tiền là 8.500.070.000đ để đóng mới hai tàu P36 và P18 theo hợp đồng, để đảm bảo thực hiện hợp đồng đóng mới tàu P36 tại Công ty Cổ phần P. Thời hạn thực hiện hợp đồng là 10 năm. Trên cơ sở đó, đối với tàu P36, Công ty P đã nộp cho Công ty A số tiền 4.300.000.000đ để đảm bảo cho việc đóng và hoàn thiện tàu P36.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên đều thiện chí nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn, nên hai bên đều có quá trình đàm phán cụ thể mức trả lãi theo quy định của pháp luật, nhưng đến ngày 24 tháng 8 năm 2016 Công ty A tự ý ra văn bản chấm dứt hợp đồng thuê tài chính trước thời hạn.

Sau khi, Công ty P bàn giao tàu, phía Công ty A không bàn bạc, chưa có sự nhất trí giải quyết công nợ, không đàm phán giá trị thực của tàu P36 đã tự ý bán tài sản, mà không có cơ quan chuyên môn, cơ quan trung gian nào đánh giá khách quan giá trị thật của tàu P36 là vi phạm và ảnh hưởng tới quyền lợi của Công ty P. Mặt khác, quá trình mua bán tàu, Công ty A không thông báo cho Công ty P, không tiến hành các thủ tục xem xét chốt công nợ, không xem xét lại tiến trình hai bên đã hợp tác với nhau là không phù hợp và gây thiệt hại cho Công ty P. Chính vì các căn cứ trên, Công ty P từ chối căn cứ khởi kiện của Công ty tài chính.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Hợp đồng số 161 không phải là hợp đồng cho thuê tài chính mà là hợp đồng góp vốn. Bản thân Công ty P đóng góp 8.500.070.000đ cho Công ty A để hoàn thành tàu "P18-ALCI" và "P36-ALCI" (riêng "P36-ALCI" là 4.300.000.000đ) khi ký hợp đồng tài sản chưa hình thành, Công ty A không có ngay tài sản để cho thuê. Công ty P không vay tiền của Công ty tài chính. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty P nhiều lần trả tiền cho Công ty tài chính, mặc dù việc kinh doanh gặp nhiều khó khăn. Quá trình giải quyết vụ việc Công ty tài chính, đã giải quyết không khách quan, khi đấu giá tài sản không mời Công ty P, không thực hiện việc chốt nợ, không đối trừ khi bán phương tiện, giá trị tài sản định giá thấp hơn giá trị thực đã ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty P.

Việc Công ty P khai thác tàu "P36-ALCI" và trả tiền cho Công ty A là trả tiền chênh lệch trong hợp đồng góp vốn. Chính vì vậy, Công ty P không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của, đề nghị HĐXX tạm dừng phiên tòa, triệu tập đại diện của cơ quan định giá đến phiên tòa để trình bày việc định giá tài sản.

Tại bản án kinh doanh thương mại số 02/2019/KDTM-ST ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định đã quyết định.

Áp dụng Điều 688 BLDS 2015; Điều 302; 305; 480,482, 489; 491 Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 91; Điều 95 Điều 112; 113 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án đã quyết định.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Vận tải và Thương mại P phải trả nợ cho Công ty A toàn bộ số tiền theo hợp đồng cho thuê tài chính số 161/2007/ALCI ngày 12 tháng 9 năm 2007 nợ gốc là 6.037.595.914đ; lãi quá hạn tính đến ngày 31 tháng 7 năm 2019 là 16.029.750.723đ. Tổng là 22.067.346.367đ (Hai mươi hai tỷ, không trăm sáu mươi bảy triệu, ba trăm bốn mươi sáu ngàn, ba trăm sáu mươi bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty trách nhiệm hữu hạn Vận tải và Thương mại P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính số 161/2007/ALCI ngày 12 tháng 9 năm 2007 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Mức lãi suất mà Công ty trách nhiệm hữu hạn Vận tải và Thương mại P phải tiếp tục thanh toán cho Công ty A theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Công ty A theo thỏa thuận về

cách tính lãi mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính số 161/2007/ALCI ngày 12 tháng 9 năm 2007.

Ngày 12-8-2019 Công ty trách nhiệm hữu hạn Vận tải và Thương mại P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do nguyên đơn đã định giá tài sản không đúng với giá trị thực tế, việc bán tài sản là tàu P36 có dấu hiệu gây thất thoát tài sản của Nhà nước, gây thiệt hại trực tiếp cho doanh nghiệp. Yêu cầu triệu tập cơ quan định giá tài sản để làm rõ các căn cứ bán tài sản đã bị bỏ qua, việc áp dụng pháp luật trong vụ án chưa đúng quy định pháp luật tại thời điểm hai bên tranh chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của Công ty P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày hai bên đã chốt nợ gốc và nợ lãi đến ngày 15-8-2016 còn từ sau ngày 15-8-2016 đến nay hai bên chưa chốt lãi đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Công ty A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày không chấp nhận kháng cáo của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm. Về đường lối giải quyết vụ án, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên án sơ thẩm. Án phí giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn Vận tải và Thương mại P thấy:

[1] Ngày 12-9-2007 Công ty A ký hợp đồng cho thuê tài chính số 161/2007/ALCI với Công ty P và ngày 18-5-2009 hai bên ký phụ lục hợp đồng số 03-161/PLHĐCT theo đó Công ty A cho Công ty P thuê 01 tàu biển trọng tải toàn phần là 3.264,3 tấn mang tên "P36-ALCI", tổng giá trị tài sản thuê là 25.250.070.000đ, thời hạn thuê là 10 năm, lãi suất cho thuê áp dụng lãi suất có điều chỉnh tại thời điểm nhận nợ được quy định theo phụ lục 04D1/ALCI, số tiền đặt cọc để bảo đảm thực hiện hợp đồng là 4.250.070.000đ. Ngày 01-12-2008 Công ty P đã nhận tài sản thuê là tàu vỉ thép trọng tải 3.264,3 tấn, cấp hạn chế III, đóng mới 100% mang tên " P36-ALCI ". Kèm theo hợp đồng cho thuê

tài chính là kế hoạch trả nợ gốc tiền thuê tài chính (Phụ lục 04B1/ALCI) có chữ ký và đóng dấu của Công ty P và Công ty cho thuê tài chính.

[2] Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty P đã trả nợ gốc là 9.087.802.900đ trong đó tiền thu từ đặt cọc là 4.250.070.000đ và trả lãi 11.986.000.000đ; sau đó không trả gốc và lãi nữa. Công ty A đã có văn bản thông báo cho Công ty P về việc điều chỉnh lãi suất và giấy báo nợ đến hạn, quá hạn. Nhưng đến kỳ trả nợ tiền thuê Công ty P đã không trả nợ theo kế hoạch trả nợ, Công ty A và Công ty P đã làm việc nhiều lần cụ thể tại các biên bản làm việc ngày 21-9-2011; 10-12-2015 và biên bản làm việc ngày 15-8-2015 đôn đốc việc trả nợ nhưng Công ty P không trả nợ.

[3] Ngày 24-8-2016 Công ty A ra thông báo chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính số 70A/TB-ALCI-KD. Ngày 09-9-2016 Công ty A yêu cầu thu hồi tài sản cho thuê đối với Công ty P là tàu trọng tải 3.264,3 tấn, cấp hạn chế III mang tên " P36-ALCI" số đăng ký VN-2737- VT cấp ngày 20-11-2008 (sau đây viết tắt tàu P36). Ngày 15-9-2016 Công ty A đã thu hồi tài sản là tàu trọng tải 3.264,3 tấn, cấp hạn chế III mang tên " P36-ALCI" số đăng ký VN-2737- VT cấp ngày 20-11-2008.

[4] Tại khoản 2 Điều 14 của hợp đồng cho thuê tài chính số 161/2007/ALCI hai bê thỏa thuận bên A(cho thuê tài chính) có toàn quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng thuê tài chính trước hạn và thu hồi ngay lập tức tài sản cho thuê trong các trường hợp sau: " Bên B không trả tiền thuê theo quy định trong hợp đồng (Phụ lục 04B1/ALCI)" thỏa thuận này phù hợp với điểm a khoản 4 mục II của Thông tư liên tịch số 08/2007/TTLT-NHNN- BCA- BTP giữa Ngân hàng nhà nước, Bộ Công an, Bộ tư pháp hướng dẫn thu hồi và xử lý tài sản của Công ty cho thuê tài chính quy định (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 08/2007). Vì vây, việc Công ty A thu hồi tài sản cho thuê là phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Đối với việc bán đấu giá tàu P36: Xét thấy, sau khi thu hồi tài sản thuê là tàu P36, theo Công ty A trình bày và tài liệu lưu hồ sơ thì ngày 22-9-2016 và ngày 06-10-2016 Công ty A đã mời Công ty P lên trụ sở Công ty để bàn về việc xử lý tàu P36 nhưng Công ty P không hợp tác, còn Công ty P trình bày không nhận được giấy mời. Do hai bên không thỏa thuận với nhau về định giá tàu P36 để xử lý nên ngày 14-9-2016 Công ty A và Công ty cổ phần thẩm định giá Vinacontron đã ký hợp đồng số 394/VNC/2016 về việc cung cấp dịch vụ giám định tình trạng kỹ thuật và thẩm định tài sản là tàu "P36-ALCI" số đăng ký VN-2737- VT cấp ngày 20-11-2008 và ngày 30-10-2017 Công ty A và Công ty cổ phần thẩm định giá Vinacontron ký hợp đồng số 483/VNC/2017 về cung cấp thẩm định giá tài sản là tàu trọng tải 3.264,3 tấn, cấp hạn chế III mang tên "

P36-ALCI" số đăng ký VN-2737- VT cấp ngày 20-11-2008. Ngày 01-11-2017 Công ty cổ phần thẩm định giá Vinacontron có chứng thư thẩm định giá số 17P01TĐ0628 thông báo kết quả thẩm định giá trên cơ sở giá thị trường tại thời điểm định giá thì tàu P36 trị giá là 9.632.000.000đ chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Căn cứ điểm b khoản 11 mục II của Thông tư liên tịch số 08/2007 quy định: " Tài sản cho thuê được định giá theo thỏa thuận giữa bên thuê và bên cho thuê. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được với nhau về giá thì Công ty cho thuê tài chính sẽ thuê cơ quan, tổ chức có thẩm quyền định giá theo quy định của pháp luật hiện hành". Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm Công ty P không xuất trình tài liệu chứng cứ chứng minh việc thẩm định giá không đúng với thực tế, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Công ty P cho rằng việc định giá tàu P36 không đúng với giá thực tế và yêu cầu triệu tập cơ quan định giá tài sản làm rõ căn cứ bán tài sản sản.

[6] Đối với việc bán đấu giá tàu P36: Ngày 19-10-2016 Công ty A đã ký hợp đồng ủy quyền số 128/2016/HĐUQ với Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản Sở tư pháp thành phố Hà Nội. Về trình tự, thủ tục bán đấu giá tài sản đã tuân theo các quy định của Luật đấu giá tài sản năm 2017, qua 4 lần bán đấu giá tàu mới thành công với giá bán là 10.500.000.000đ đồng đã bao gồm cả thuế VAT chưa bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí đối với nhà nước, người trúng đấu giá là Công ty cổ phần thương mại vận tải dầu khí M; địa chỉ: đường L, phường Đ, quận N, thành phố H. Tại phiên tòa, Công ty P không có tài liệu chứng cứ chứng minh việc bán đấu giá tài sản đã gây thất thoát, gây thiệt hại cho Công ty. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Công ty P cho rằng việc bán đấu giá đã có dấu hiệu gây thất thoát tài sản, gây thiệt hại cho Công ty.

[7] Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty P đã trả nợ gốc là 9.087.802.900đ trong đó tiền thu từ đặt cọc là 4.250.070.000đ và trả lãi 11.986.000.000đ; số tiền bán đấu giá tàu là 10.500.000.000đ, số tiền đặt cọc của Công ty P còn lại 300.000.000đ.

[8] Các khoản chi phí cho việc xử lý tàu "P36-ALCI" bao gồm: Chi phí thẩm định giá và giám định tình trạng kỹ thuật: 40.000.000đ; Chi phí đăng báo: 1.435.500đ; Chi phí bảo hiểm neo đậu: 60.750.000đ; Chi phí trông coi tài sản: 209.880.000đ; Chi phí neo đậu tài sản: 142.200.000đ; Chi phí bán đấu giá tài sản: 50.000.000đ; Chi chênh lệch thuế nộp cho nhà nước: 171.063.314đ.Tổng các chi phí: 675.328.814đ.

[9] Theo hợp đồng cho thuê tài chính 161/2007/ALCI ngày 12-9-2007 thì số tiền thu được từ việc bán đấu giá tàu "P36", số tiền thu được từ việc đặt cọc được trừ vào tiền gốc, còn các khoản chi phí cho việc xử lý tàu P36 được cộng vào nợ gốc. Do vậy, nợ gốc Công ty P còn phải thanh toán là: 25.250.070.000đ

– 9.087.802.900đ – 10.500.000.000đ -300.000.000đ + 675.328.814đ = 6.037.595.614đ. Khoản tiền lãi trong hạn, quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm Công ty P còn phải thanh toán là 16.029.750.723 đồng. Tổng: 22.067.346.367đ.

[10] Do giữ nguyên án sơ thẩm nên Công ty P phải nộp án phí kinh doanh phúc thẩm.

[11] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 688 BLDS 2015; Điều 302; 305; 480,482, 489; 491 Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 91; Điều 95; Điều 113 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án đã quyết định.

1. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn Vận tải và Thương mại Pvà giữ nguyên án sơ thẩm.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Vận tải và Thương mại P phải trả nợ cho Công ty A toàn bộ số tiền theo hợp đồng cho thuê tài chính số 161/2007/ALCI ngày 12 tháng 9 năm 2007 nợ gốc là 6.037.595.914đ; lãi quá hạn tính đến ngày 31 tháng 7 năm 2019 là 16.029.750.723đ. Tổng là 22.067.346.367đ (Hai mươi hai tỷ, không trăm sáu mươi bảy triệu, ba trăm bốn mươi sáu ngàn, ba trăm sáu mươi bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty trách nhiệm hữu hạn Vận tải và Thương mại P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính số 161/2007/ALCI ngày 12 tháng 9 năm 2007 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Mức lãi suất mà Công ty trách nhiệm hữu hạn Vận tải và Thương mại P phải tiếp tục thanh toán cho Công ty A theo quyết định của bản án sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Công ty A theo thỏa thuận về cách tính lãi mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính số 161/2007/ALCI ngày 12 tháng 9 năm 2007.

2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn Vận tải và Thương mại Pphải nộp là 2.000.000đ nhưng được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm Công ty trách nhiệm hữu hạn Vận tải và Thương mại Pđã nộp là 2.000.000đ tại biên lai số 04982 ngày 04-9-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh. Công ty trách nhiệm hữu hạn Vận tải và Thương mại P đã nộp đủ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn Vận tải và Thương mại Pphải nộp 130.067.347 đồng. Công ty A không phải nộp, hoàn lại cho Công ty A số tiền đã nộp tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 64.573.000đ phí theo biên lai số 04948 ngày 28-3-2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Vũ Thị Thu